MỤC LỤC

I. Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo 1
1. Giới thiệu về Trường Đại học Công nghệ Miền Đông 1
2. Giới thiệu về Khoa Khoa học Sức khỏe 5
II. Sự cần thiết mở ngành đào tạo 8
1. Nhu cầu nguồn nhân lực 8
2. Nhu cầu về sự phù hợp với chiến lược phát triển Trường 9
III. Điều kiện về chương trình đào tạo đề nghị mở ngành 10
1. Cơ sở xây dựng Chương trình đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng - trình độ thạc sĩ 10
2. Chương trình đào tạo (CTĐT) 11
IV. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ 29
1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Dược lý và dược lâm sàng 29
2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Dược lý và dược lâm sàng 30
3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Dược lý và dược lâm sàng, trình độ thạc sĩ 32
4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế 39
V. Điều kiện về cơ sở vật chất mở ngành đào tạo 48
1. Phòng học giảng đường, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo 48
2. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo 53
3. Mạng công nghệ thông tin 55
VI. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ 56
1. Khoa chủ quản ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ 56
2. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ 56
3. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn Trung tâm thí nghiệm thực hành 57
4. Đội ngũ phục vụ đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ 57
VII. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo 58
1. Kế hoạch tuyển sinh 58
2. Kế hoạch đào tạo 61
3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo 62
VIII. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo 64
1. Dự báo tình huống rủi ro 64
2. Các biện pháp ngăn ngừa, xử lý, khắc phục 64
IX. Các minh chứng kèm theo Đề án 66

X. Đề nghị và cam kết thực hiện.....66
1. Đề nghị của cơ sở đào tạo 66
2. Cam kết triển khai thực hiện 66

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm

ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

- Tên ngành đào tạo: **DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG**
- Mã số: **8720205**
- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Miền Đông
- Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

I. Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo

1. Giới thiệu về Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

1.1. Khái quát

Tên trường: Trường Đại học Công nghệ Miền Đông Tên viết tắt của Trường: MIT

Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ của Trường: khu phố Trần Hưng Đạo, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống nhất, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại liên hệ: 02513.772.667 Website: http://www.mit.vn

MIT được thành lập ngày 11/11/2013 theo quyết định số 2168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đi vào hoạt động theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 727/QĐ- BGDĐT ngày 04/03/2014. MIT là trường đại học tư thục, do các cá nhân có nhiều kinh nghiệm quản lý, quản trị trường đại học có tâm huyết với giáo dục đại học thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đảm bảo kinh phí hoạt động. MIT trở thành thành viên của Tập đoàn Giáo dục Nguyễn Hoàng từ tháng 06/2021.

Trụ sở chính của MIT tọa lạc trên khu đất có diện tích 10 ha tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, là trung tâm của tứ giác kinh tế Bà Rịa-Vũng Tàu – Bình Dương – Đồng Nai – Tp. Hồ Chí Minh, với nhiều khu công nghiệp vệ tinh, dễ dàng kết nối với các hệ thống y tế, du lịch, thương mại nhờ có điều kiện giao thông thuận lợi.

Trong suốt quá trình phát triển, Hội đồng trường (HĐT), Ban Giám hiệu (BGH) Nhà trường luôn tập trung xây dựng, mong muốn phát triển Trường thành Trung tâm văn hóa, khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực trình độ cao cho tỉnh Đồng Nai, các tỉnh Đông Nam Bộ và cả nước.

Với mục tiêu không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo, luôn gắn đào tạo với nhu cầu xã hội, doanh nghiệp, phát huy phương pháp tiếp cận năng lực của người học và luôn xác định giáo dục đại học như một loại hình dịch vụ đặc biệt, Nhà trường luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về hệ thống quản trị của một trường đại học tư thục, duy trì tính ổn định, tuân thủ công khai minh bạch và giảm thiểu tối đa các rủi ro khó khăn cho sinh viên, phụ huynh và xã hội, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo khẳng định vị thế thương hiệu của Trường trong địa phương, khu vực Miền Đông Nam bộ và cả nước.

Về cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Ban lãnh đạo gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu; các đơn vị trực thuộc bao gồm 5 Phòng, 6 Khoa, 2 Viện, 2 Trung tâm, các Hội đồng, các tổ chức Đảng, đoàn thể và các tổ chức khác. Sơ đồ cơ cấu tổ chức được trình bày như hình dưới.

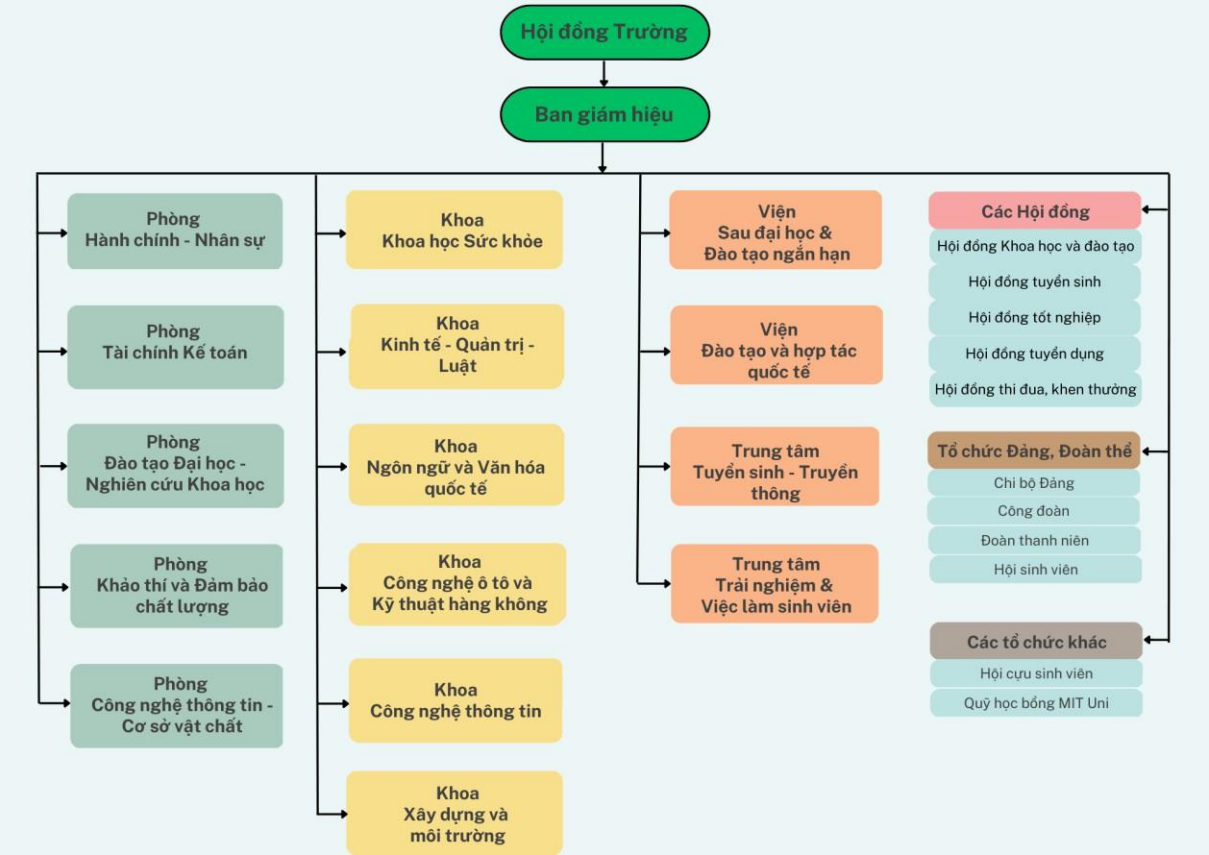

1.2. Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Để phù hợp với xu thế phát triển chung, Trường đã điều chỉnh Sứ mệnh và Tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, phù hợp chiến lược phát triển kinh tế

- xã hội của địa phương và cả nước.

Sứ mệnh của MIT là nơi đào tạo nguồn nhân lực bậc cao có chất lượng, bồi dưỡng người học có kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo để làm chủ, quản lý, và giải quyết các vấn đề kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại.

Tầm nhìn của MIT là phát triển thành một trường đại học thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, theo định hướng ứng dụng. Trường đặt mục tiêu đến năm 2030, trở thành trường đại học mạnh, dẫn đầu về kỹ thuật - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khu vực phía Nam, được các đối tác trong nước và quốc tế tín nhiệm, được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định giáo dục quốc tế uy tín.

Giá trị cốt lõi:

- Tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

Người học của Trường có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. MIT là một tổ chức đổi mới trong thị trường giáo dục, do vậy Trường khuyến khích và hỗ trợ các giảng viên và người học nỗ lực và chấp nhận rủi ro khi đưa tư tưởng của họ ra thị trường.

- Môi trường trải nghiệm tuyệt vời cho người học:

Môi trường trải nghiệm của MIT sẽ giúp các bạn trẻ là người học thực sự trưởng thành ngay trong thời gian học tập tại Trường. Một môi trường với cơ sở vật chất hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, khuôn viên rộng lớn, thanh bình. Môi trường học tập với phương pháp giảng dạy và hướng dẫn trải nghiệm hiện đại với cách tiếp cận trí tuệ nhân tạo (AI), làm trước, học sau, đi từ data đến thuật toán. Người học sẽ được truyền cảm hứng để khát khao trải nghiệm, chuyển từ "thầy hỏi trò" sang "trò hỏi thầy" là chính. Bên cạnh đó, việc gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, các công ty, các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội nhằm tăng tính thực hành và trải nghiệm thực tiễn cho người học, kết nối nguồn lực, đổi mới sáng tạo giúp người học trang bị đầy đủ những tiền đề để sẵn sàng khởi nghiệp.

- Môi trường thông minh:

MIT tạo ra một môi trường giảng dạy và học tập thông minh. Môi trường này đào tạo ra những người học có một tinh thần đổi mới sáng tạo cao.

- Tự do và liêm chính học thuật:

Trường tôn trọng tự do hàn lâm. Các giảng viên ứng xử theo nguyên tắc liêm chính học thuật và tuân thủ các quy tắc nghiên cứu khoa học chuẩn.

Để hiện thực hóa nội dung sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của MIT, Nhà trường đang từng bước đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông trong các hoạt động; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO; phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập. Bên cạnh đó, Trường đang đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở vật chất cùng thiết bị giảng dạy theo tiêu chuẩn quốc tế, mở rộng khuôn viên 24 hecta với đầy đủ tiện nghi như: thư viện, phòng thí nghiệm, 2 xưởng thực hành, ký túc xá, nhà thi đấu đa năng, sân bóng đá, … cùng hệ thống trang

thiết bị phục vụ dạy và học hiện đại, khuôn viên rộng rãi, trong lành, môi trường thân thiện, làm nên một môi trường học tập tốt nhất cho người học và môi trường học thuật, làm việc chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên (CB-GV-NV) của Trường.

Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2019, được đánh giá ngoài vào năm 2019 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào đầu năm 2019.

1.3. Các ngành, trình độ, quy mô và hình thức đào tạo

Từ khi thành lập đến nay, Trường không ngừng phát triển về quy mô và loại hình đào tạo nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đào tạo. Sau gần 10 năm trưởng thành, MIT đã có quy mô 17 ngành, 35 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, trong những năm học tới, ngoài những ngành đã có, MIT sẽ mở thêm các ngành đào tạo mới có tính tiên phong nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Hiện tại Trường được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo những ngành và chuyên ngành như sau:

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH/VĂN BẢN CHO PHÉP ĐÀO TẠO	NGÀY ĐƯỢC PHÊ DUYỆT	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN PHỤ TRÁCH	Ghi chú
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	1573/QĐ-BGDĐT	08/05/2014	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	
2	7310608	Đông phương học	36/QĐ-ĐHCNMĐ	02/03/2022	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	
3	7320108	Quan hệ công chúng	2802/QĐ-BGDĐT	15/08/2016	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	
4	7340101	Quản trị kinh doanh	36/QĐ-ĐHCNMĐ	02/03/2022	Khoa Khoa học Sức khỏe	
5	7340120	Kinh doanh quốc tế	1143/QĐ-BGDĐT	09/04/2015	Khoa Khoa học Sức khỏe	
6	7340301	Kế toán	36/QĐ-ĐHCNMĐ	02/03/2022	Khoa Khoa học Sức khỏe	
7	7380107	Dược lý và dược lâm sàng	1459/QĐ-BGDĐT	05/05/2015	Khoa Khoa học Sức khỏe	
8	7480201	Công nghệ thông tin	36/QĐ-ĐHCNMĐ	02/03/2022	Khoa Công nghệ thông tin	
9	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1520/QĐ-BGDĐT	19/04/2018	Khoa Công nghệ ô tô và Kỹ thuật hàng không	
10	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	36/QĐ-ĐHCNMĐ	02/03/2022	Khoa Khoa học Sức khỏe	

11	7580201	Kỹ thuật xây dựng	1573/QĐ-BGDĐT	08/05/2014	Khoa Xây dựng và môi trường	
12	7640101	Thú y	3531/QĐ-BGDĐT	17/09/2018	Khoa Khoa học sức khỏe	
13	7720201	Dược học	1886/QĐ-BGDĐT	29/05/2014	Khoa Khoa học sức khỏe	
14	7340205	Công nghệ tài chính		2023	Khoa Khoa học Sức khỏe	Mở mới 2023
15	7340114	Digital marketing		2023	Khoa Khoa học Sức khỏe	Mở mới 2023
16	7220204	Ngôn ngữ Trung		2023	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Mở mới 2023
17	7720301	Điều dưỡng		2023	Khoa Khoa học sức khỏe	Mở mới 2023

1.4. Về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất

Hiện tại, MIT đã quy tụ được một đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu cũng như hợp đồng giảng dạy có học hàm, học vị cao và giàu kinh nghiệm thực tế. Tổng số CB-GV-NV của Trường đến cuối năm 2022 là 227 người gồm 166 GV, trong đó GV có trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm 78.3% so với tổng số GV toàn trường.

Cơ sở vật chất hiện đại, trang bị đầy đủ thiết bị dạy học dùng cho việc giảng dạy với 54 phòng học lý thuyết, 21 phòng thực hành các loại, 04 phòng máy tính, 03 thư viện – trung tâm học liệu, 01 hội trường và hơn hơn 500 bộ bàn ghế phục vụ giảng dạy và học tập của cho giảng viên, học viên và sinh viên. Đến thời điểm hiện tại MIT có tổng diện tích đất quản lý sử dụng (sở hữu) : 100.000 m^2, trong đó Trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng 5098 m^2 diện tích sàn phòng học, 1424 m^2 diện tích sàn phòng làm việc, 2616 m^2 dành cho nơi vui chơi giải trí, 288 m^2 hội trường, 344 m^2 thư viện, và 1150 m^2 dành cho kí túc xá (576 chỗ ở). Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, đèn chiếu, máy chiếu bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu học tập của học viên. Đặc biệt, nhiều phòng học kỹ năng được bố trí theo hướng mở, thúc đẩy khả năng làm việc nhóm, tư duy độc lập, sáng tạo của người học. Các phòng làm việc dành cho CB-GV- NV được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng hiện đại để thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo đúng chức năng trong quản lý đào tạo. Thư viện có phòng đọc đảm bảo 200 chỗ ngồi, với hơn 7200 đầu sách, bản in và tài liệu điện tử bao gồm trên 77 tạp chí và tập san chuyên ngành, và 11 cơ sở dữ liệu điện tử trong nước và quốc tế. Hiện tại, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Số hóa – Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện, và tăng cường khả năng, tốc độ, chất lượng tra cứu và khai thác thông tin cho người học.

2. Giới thiệu về Khoa Khoa học Sức khỏe

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa quản lý đào tạo của ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ trước đây là Khoa Dược được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-CTHĐQT-ĐHCNMĐ, ngày 05/03/2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Công nghệ Miền Đông. Từ ngày 01/07/2021, Khoa Dược được đổi tên thành Khoa Khoa học Sức khỏe theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHCNMĐ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

Sứ mạng của Khoa Khoa học Sức khỏe là cung cấp nguồn đội ngũ cán bộ Dược cho ngành y tế Việt Nam, đóng góp tích cực trong việc khám chữa bệnh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa hiện nay.

2.2. Tình hình nhân sự

Sau 9 năm thành lập và phát triển đội ngũ của Khoa không ngừng được hoàn thiện, nâng cấp, bổ sung với đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ, học hàm, học vị cao. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Dược học bậc đại học có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Tính đến hết năm 2021 Khoa Khoa học Sức khỏe có 36 cán bộ - giảng viên, trong đó có 02 phó giáo sư, 11 tiến sĩ, 20 thạc sĩ và 03 Đại học phục vụ đào tạo ngành Dược học. Ngoài ra, Khoa Khoa học Sức khỏe có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng bao gồm các giảng viên, cán bộ của các Sở y tế, các công ty dược phẩm, các bệnh viện thuộc tỉnh Đồng Nai, và các tỉnh lân cận, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy cũng là điểm nổi bật trong việc nâng cao chất lượng và vị thế chương trình đào tạo của Khoa.

2.3. Công tác đào tạo

Khoa Khoa học Sức khỏe là một trong những đơn vị chuyên môn đầu tiên của trường được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dược lý và dược lâm sàng theo quyết định số 585/QĐ-KĐCLV 27 tháng 27 tháng 02 năm 2023.

Bắt đầu đào tạo từ năm 2014, đến nay ngành Dược học đã có 05 khóa sinh viên tốt nghiệp với 2,288 sinh viên bao gồm tất cả các hệ đào tạo chính quy, liên thông chính quy. Hiện nay, số sinh viên đang học ngành Dược học tại Nhà trường là gần 1,749 SV bao gồm tất cả các hệ đào tạo. Với phương châm chất lượng giáo dục phải được đặt lên hàng đầu, trong thời gian qua tập thể cán bộ, giảng viên của Khoa luôn luôn nghiên cứu, đổi mới các phương pháp dạy và xây dựng hệ thống các môn học đáp ứng được thực tiễn cuộc sống, nhờ đó chất lượng sinh viên khá ổn định và từng bước được nâng cao. Các nhà sử dụng lao động luôn đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, thái độ, tác phong làm việc của sinh viên thuộc Trường.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa được chú trọng và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Hàng năm, Khoa phối hợp với các cơ sở y tế, các công ty Dược uy tín trong cả nước tổ chức các cuộc hội thảo và nhận được sự tham gia nhiệt tình của đông đảo đội ngũ cán bộ giảng viên và người học trong Khoa, Trường.

Nhằm đáp ứng sứ mạng đào tạo Dược sĩ đại học, Khoa Khoa học Sức khỏe đã xây dựng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, đặc biệt là hệ thống phòng thí nghiệm và vườn dược liệu. Đến nay, Khoa đã có 18 phòng thí nghiệm – thực hành bao gồm: Hóa lý, Sinh hóa, Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ, Bào chế, Hóa phân tích, Hóa dược, Vi sinh, Thực vật, Dược liệu, Bào chế, Dược lý; Dược lâm sàng và phòng pha hóa chất, v.v… Bên cạnh đó, Khoa còn có Vườn Dược

liệu với diện tích 600m2, bao gồm các loại thực vật theo quy định của Bộ Y tế tại Quyết định số 5486/QĐ-BYT ngày 27/12/2006.

II. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Nhu cầu nguồn nhân lực

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) khuyến cáo tối thiểu cần 5 dược sĩ trên 10.000 dân để đảm bảo chăm sóc dược phẩm được hiệu quả. Theo dữ liệu của Tổng cục thống kê về dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019 – 2069, đến năm 2030 dân số nước ta dự kiến sẽ ở mức 105 triệu người. Bên cạnh đó, Nghị quyết 20-NQ/TW về Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới đã đặt ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030, hệ thống y tế cần đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ, 3.0 dược sĩ đại học, 33 điều dưỡng viên trên 10,000 dân. Niên giám thống kê 2019-2020 của Bộ Y tế công bố đội ngũ nhân lực ngành Dược có trình độ đại học trở lên tính đến năm 2020 chỉ khoảng 27,770 cán bộ (gồm 26,667 dược sĩ đại học, 830 thạc sĩ, 273 tiến sĩ). Do vậy, để đạt được mục tiêu cụ thể của Nghị quyết 20-NQ/TW, tới năm 2030 cần khoảng 31,500 dược sĩ có trình độ từ đại học trở lên. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng phân bố đội ngũ nhân lực ngành dược không đồng đều trên toàn quốc, với nhiều khu vực nông thôn, miền núi đang gặp khó khăn về việc tuyển dụng các dược sĩ có trình độ. Đặc biệt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tính đến năm 2021 tỉ lệ dược sĩ trên 10,000 dân là 1.16 (khoảng 368 dược sĩ đang hoạt động tại các cơ sở y tế công lập và tư nhân trên tổng số 3.169 triệu dân). Tính riêng thành phố Biên Hòa, tỉ lệ này chỉ là 0.2 trên 10,000 dân (dân số 1.084 triệu người, trong đó số lượng nhân lực ngành dược là 147 người với chỉ 22 dược sĩ đại học). Vì vậy, việc tăng cường đào tạo và thu hút thêm nhân lực chuyên môn trong ngành Dược vào địa phương là cần thiết để đáp ứng nhu cầu về dược phẩm tại địa phương và cải thiện chất lượng dịch vụ y tế.

Theo các báo cáo thị trường và thống kê từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngành Dược đang có nhu cầu tuyển dụng nhân lực liên tục tăng trong những năm gần đây. Các công ty dược phẩm và nhà sản xuất thuốc tại nước ta đang phải đối mặt với việc thiếu hụt nhân lực có trình độ và kỹ năng chuyên môn cao, đặc biệt trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp dược phẩm. Theo đó, để đáp ứng nhu cầu thị trường cần phải có 25.000 cán bộ ngành Dược có trình độ từ đại học trở lên, nhu cầu đối với Dược sĩ Đại học chiếm 85,63%; nhu cầu đối với các nhân lực trình độ cao hơn như tiến sĩ, thạc sĩ, dược sĩ chuyên khoa I và dược sĩ chuyên khoa II chiếm 14,3%. Trong đó, cần khoảng 16.000 người tham gia vào quá trình sản xuất và phân phối thuốc, khoảng 7000 dược sĩ tại các nhà thuốc.

Đặc biệt, đối với nhu cầu nhân lực trình độ cao về dược lý và dược lâm sàng, các cơ sở y tế, viện nghiên cứu và các công ty dược phẩm cần tuyển dụng các nhân sự có kiến thức, kỹ năng chuyên môn cao để: nghiên cứu và phát triển sản phẩm dược phẩm, phân tích và đánh giá tác dụng của các loại thuốc, tư vấn thuốc và cách sử dụng, quản lý chất lượng sản phẩm dược hoặc làm giảng viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong tổ chức và quản lý dược, cách duy nhất là mở rộng quy mô và đảm bảo chất lượng đào tạo, đặc biệt là bậc sau đại học. Nhằm hưởng ứng đề án đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế nói chung và ngành dược nói riêng tại các địa phương, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đã tiến hành khảo sát nhu cầu học tập ở bậc sau đại học (thạc sĩ và chuyên khoa 1) của cựu sinh viên ngành Dược học của Trường (chủ yếu là sinh viên khối liên thông) và nhận được kết quả khá khả quan cụ thể: trên 55% dược sĩ có nhu cầu, trong đó 47% có nhu cầu học tập bậc chuyên khoa 1, 75% có nhu cầu học tập về ngành Dược lý và dược lâm sàng.

Do vậy, để đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Dược học, cụ thể là ngành Dược lý và dược lâm sàng có năng lực, kỹ năng, kiến thức sâu rộng về Dược lý và dược lâm sàng, được thị trường lao động, doanh nghiệp và xã hội chấp nhận, việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Dược lý và dược lâm sàng tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông là hết sức cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, khu vực và cả nước.

2. Nhu cầu về sự phù hợp với chiến lược phát triển Trường

Trường Đại học Công nghệ Miền Đông được thành lập gần 10 năm, và được gia nhập vào hệ sinh thái các cơ sở giáo dục của tập đoàn Nguyễn Hoàng từ tháng 06/2021. Gắn liền với sự kiện này, Nhà trường đã điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2021 đến 2030 với tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu hành động và tôn chỉ mục đích khác biệt so với giai đoạn trước. Với sứ mệnh là nơi đào tạo nguồn nhân lực bậc cao có chất lượng, bồi dưỡng người học có kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo để làm chủ, quản lý, và giải quyết các vấn đề xã hội liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo, Nhà trường cũng điều chỉnh mục tiêu hành động, đặc biệt là tuyển sinh và đào tạo các ngành ở bậc sau đại học.

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường tới năm 2030, Trường có xây dựng kế hoạch, mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô và bậc đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng và đa dạng hóa thị trường lao động nhằm đáp ứng cho các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập, các doanh nghiệp trú đóng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng, khu vực Đông Nam bộ và cả nước nói chung. Do đó, việc mở ngành đào tạo Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ là rất cần thiết và hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Điều này đã được khẳng định qua Nghị quyết số 02/NQ-HĐT về việc thông qua phương án mở mới các ngành trình độ thạc sĩ và chuyên khoa cấp 1 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

III. Điều kiện về chương trình đào tạo đề nghị mở ngành

1. Cơ sở xây dựng Chương trình đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng - trình độ thạc sĩ

1.1. Cơ sở pháp lý

- Quyết định số 2168/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.
- Luật Giáo dục Đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung 2018).
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
- Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
- Nghị quyết số 01/NQ-HĐT, ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Trường về việc thông qua phương án mở mới các ngành trình độ đại học và trình độ thạc sĩ.
- Quyết định số 200/QĐ-ĐHCNMĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

1.2. Cơ sở khoa học

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông được tham khảo các chương trình đào tạo uy tín trong và ngoài nước như: CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Dược lý và dược lâm sàng của Trường Đại học Y dược TpHCM; Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch; Đại học Y dược Hà Nội; Đại học Tây Đô; Đại học Y dược Huế. CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Dược lâm sàng của Trường Đại học Tasmania, Úc; ngành Độc chất học lâm sàng của Trường Đại học Sức khỏe Florida, Mỹ; ngành Dược lâm sàng của Đại học Quốc gia Singapore; ngành Dược lâm sàng của Đại học Mahidol, Thái lan.

Ngoài ra, CTĐT được xây dựng trên cơ sở tiếp thu các ý kiến từ nhà tuyển dụng và học viên tiềm năng về nội dung chương trình dạy học.

2. Chương trình đào tạo (CTĐT)

2.1. Thông tin chung về CTĐT

- Tên ngành đào tạo:
  - Tiếng Anh: Pharmacology and Clinical Pharmacy
  - Tiếng Việt: Dược lý và dược lâm sàng
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bậc 7
- Định hướng đào tạo: ☒ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng
- Khóa học áp dụng: tuyển sinh từ năm 2023
- Thời gian đào tạo: 24 tháng
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - Tiếng Việt: Thạc sĩ Dược lý và dược lâm sàng
  - Tiếng Anh: Master in Pharmacology and Clinical Pharmacy
- Đơn vị đào tạo: Khoa Khoa học Sức khỏe, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

2.2. Mục tiêu của CTĐT

2.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn và các kỹ năng cần thiết để học viên có thể trở thành chuyên gia trong lĩnh vực Dược lý và dược lâm sàng; có phẩm chất chính trị, đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp; có kiến thức vững về lý thuyết, kỹ năng thực hành cao; có đủ năng lực hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn – hợp lý; phối hợp với bác sĩ điều trị trong việc đưa ra quyết định sử dụng thuốc trên lâm sàng; Phát triển các kỹ năng nghiên cứu về dược lý thực nghiệm, đánh giá sử dụng thuốc và thử nghiệm lâm sàng. Có khả năng học tập và nghiên cứu tiếp theo ở trình độ tiến sĩ cùng chuyên ngành.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, học viên chuyên ngành Dược lý và dược lâm sàng phải có:

Kiến thức

PO1. Có kiến thức chuyên sâu về Dược lý, Dược lâm sàng, ứng dụng giải quyết những vấn đề về kê đơn, thông tin thuốc trong thực tế.

PO2. Thực hiện vai trò tư vấn về thuốc cho thầy thuốc giúp tối ưu hóa phát đồ điều trị, đồng thời hướng dẫn sử dụng thuốc cho cán bộ y tế và người bệnh an toàn, hợp lý, hiệu quả

PO3. Nghiên cứu về dược lý thực nghiệm, đánh giá sử dụng thuốc và thử nghiệm lâm sàng, có tư duy phản biện và nghiên cứu chuyên ngành trong nghiên cứu và giảng dạy.

Kỹ năng

Kỹ năng nghiên cứu

PO5: Khai thác được thông tin bệnh nhân từ đó hiểu và tư vấn được về sử dụng thuốc (từ đơn thuốc, bệnh án) cho bệnh nhân

PO6: Phân tích và đánh giá được tương tác thuốc trong đơn thuốc, bệnh án

PO7: Tổng hợp được các nguồn tài liệu tham khảo để thông tin thuốc và thiết kế đề cương nghiên cứu về dược lý thực nghiệm, đánh giá sử dụng thuốc và thử nghiệm lâm sàng

PO8: Triển khai được các nghiên cứu về dược lý, dược lâm sàng.

Kỹ năng mềm

PO9: Soạn thảo và trình bày được thông tin thuốc, tính toán thông thạo và xử lý số liệu bằng các phần mền thống kê.

PO10: Có kỹ năng thuyết trình, đọc hiểu các tài liệu hướng dẫn sử dụng thuốc bằng tiếng Anh

PO11: Phối hợp được với nhân viên y tế (bác sĩ, điều dưỡng, dược sĩ ...) để thực hiện kế hoạch điều trị và chăm sóc cho bệnh nhân

Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO12: Có khả năng học tập và nghiên cứu tiếp theo ở trình độ tiến sĩ cùng chuyên ngành.

PO13: Làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2.3. Chuẩn đầu ra, kết quả học tập mong đợi của CTĐT

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Tổ chức quản lý dược, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

- ***Về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn***

PLO1. Vận dụng các nguyên lý học thuyết cơ bản, ngoài ra còn vận dụng kiến thức thực tế và cập nhật kiến thức lý thuyết sâu rộng thuộc chuyên ngành dược lý dược lâm sàng.

PLO2. Phân tích được các hướng dẫn trị liệu đối với các nhóm bệnh mạn tính, không lây nhiễm (tăng huyết áp, suy tim, đái tháo đường, hen suyễn, COPD ...) và các bệnh lây nhiễm (nhiễm trùng bệnh viện, kháng sinh dự phòng..).

PLO3. Phân tích và bàn luận được tính hợp lý về sử dụng thuốc trong đơn thuốc, bệnh án, tổ chức và vận hành được hoạt động của đơn vị thông tin thuốc.

PLO4. Thiết kế được đề cương nghiên cứu về dược lý thực nghiệm, đánh giá sử dụng thuốc trên lâm sàng và thử nghiệm lâm sàng.

PLO5. Tổng hợp và biên soạn được các kết quả nghiên cứu về dược lý thực nghiệm, đánh giá sử dụng thuốc trên lâm sàng và thử nghiệm lâm sàng.

- ***Về kỹ năng:***

PLO6. Đánh giá phân tích dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp và xử lý các vấn đề một cách khoa học, cung cấp thông tin để xây dựng và cập nhật danh mục thuốc trong bệnh viện an toàn hiệu quả.
PLO7. Thảo luận chuyên môn với nhân viên y tế dựa vào sự hiểu biết và kinh nghiệm cá nhân.
PLO8. Tập huấn và đào tạo cho dược sĩ lâm sàng, cập nhật kiến thức sử dụng thuốc cho nhân viên y tế.
PLO9. Tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn giám sát việc sử dụng thuốc trong bệnh viện.
PLO10. Đánh giá việc nghiên cứu, phát triển sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
PLO11. Trình độ tiếng Anh tương đương B2 khung Châu Âu khi tốt nghiệp.

- ***Mức tự chủ và trách nhiệm:***

PLO12. Tuân thủ các qui định của pháp luật luôn trung thực, khách quan, thận trọng trong thực hành nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm ý thức phát triển nghề nghiệp. Đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn cũng như đưa ra những sáng kiến quan trọng trong hoạt động nghề nghiệp, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực dược lý dược lâm sàng.
PLO13. Vận dụng kiến thức và kinh nghiệm bản thân, không ngừng học hỏi những kiến thức và kỹ năng mới cần thiết để hoàn thiện và nâng cao năng lực, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.
Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình (xem Bảng 1).

Bảng 1. Các chỉ báo của chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng, trình độ thạc sĩ

Mã hóa PLO(PLO)	**Chuẩn đầu ra chương trình**	**Trình độ năng lực TĐNL (Bloom)**
A. Chuẩn về kiến thức		
PLO1	Vận dụng các nguyên lý học thuyết cơ bản, ngoài ra còn vận dụng kiến thức thực tế và cập nhật kiến thức lý thuyết sâu rộng thuộc chuyên ngành dược lý dược lâm sàng.	3.0
PLO2	Phân tích được các hướng dẫn trị liệu đối với các nhóm bệnh mạn tính, không lây nhiễm (tăng huyết áp, suy tim, đái tháo đường, hen suyễn, COPD ...) và các bệnh lây nhiễm (nhiễm trùng bệnh viện, kháng sinh dự phòng..)	3.0

PLO3	Phân tích và bàn luận được tính hợp lý về sử dụng thuốc trong đơn thuốc, bệnh án, tổ chức và vận hành được hoạt động của đơn vị thông tin thuốc	3.0
PLO4	Thiết kế được đề cương nghiên cứu về dược lý thực nghiệm, đánh giá sử dụng thuốc trên lâm sàng và thử nghiệm lâm sàng.	3.0
PLO5	Tổng hợp và biên soạn được các kết quả nghiên cứu về dược lý thực nghiệm, đánh giá sử dụng thuốc trên lâm sàng và thử nghiệm lâm sàng.	3.0
B. Chuẩn về kỹ năng		
PLO6	Đánh giá phân tích dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp và xử lý các vấn đề một cách khoa học, cung cấp thông tin để xây dựng và cập nhật danh mục thuốc trong bệnh viện an toàn hiệu quả.	4.0
PLO7	Thảo luận chuyên môn với nhân viên y tế dựa vào sự hiểu biết và kinh nghiệm cá nhân.	5.0
PLO8	Tập huấn và đào tạo cho dược sĩ lâm sàng, cập nhật kiến thức sử dụng thuốc cho nhân viên y tế.	4.0
PLO9	Tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp, hướng dẫn giám sát việc sử dụng thuốc trong bệnh viện.	3.0
PLO10	Đánh giá việc nghiên cứu, phát triển sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	3.0
PLO11	Trình độ tiếng Anh tương đương B2 khung Châu Âu khi tốt nghiệp	3.0
C. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO12	Tuân thủ các qui định của pháp luật luôn trung thực, khách quan, thận trọng trong thực hành nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm ý thức phát triển nghề nghiệp. Đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn cũng như đưa ra những sáng kiến quan trọng trong hoạt động nghề nghiệp, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực dược lý dược lâm sàng.	3.0
PLO13	Vận dụng kiến thức và kinh nghiệm bản thân, không ngừng học hỏi những kiến thức và kỹ năng mới cần thiết để hoàn thiện và nâng cao năng lực, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.	3.0

2.4. Vị trí và khả năng làm việc, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với chuẩn đầu ra được xây dựng khoa học phục vụ cho tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Công Nghệ Miền Đông, học viên tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Dược lý và dược lâm sàng thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp với tư cách là chuyên gia toàn diện trong lĩnh vực Dược lý và dược lâm sàng.

- Học viên tốt nghiệp thạc sĩ Dược lý và dược lâm sàng có cơ hội lựa chọn công việc rất đa dạng như:

o Xí nghiệp (nghiên cứu phát triển thuốc)

o Cơ quan quản lý nhà nước về y tế (nghiệp vụ)

o Trưởng, viện (bộ phận chuyên môn)

o Cơ sở y tế (Khoa dược, bộ phận Dược lâm sàng) Nhà thuốc (bệnh viện, cộng đồng)

o Công ty dược (kinh doanh, tiếp thị, tư vấn)

o Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược lý dược lâm sàng.

- Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp, học viên có thể:

o Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

o Có khả năng theo học chương trình đào tạo tiến sỹ cùng chuyên ngành

o Có khả năng thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực Dược lý dược lâm sàng

2.5. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình

Chuẩn đầu ra	**Mục tiêu cụ thể**												
	PO 1	**PO 2**	**PO 3**	**PO 4**	**PO 5**	**PO 6**	**PO 7**	**PO 8**	**PO 9**	**PO 10**	**PO 11**	**PO 12**	**PO 13**
Kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn	X	X	X										
Kỹ năng			X	X	X	X	X	X	X	X	X		
Mức tự chủ và trách nhiệm												X	X
Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Khả năng học tập và	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp													
Trình độ ngoại ngữ											X		
Phẩm chất đạo đức	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

2.6. Nội dung chương trình đào tạo

2.6.1. Cấu trúc chương trình

Chương trình đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông bao gồm 60 tín chỉ:

- *Định hướng nghiên cứ*u gồm 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn, với cấu trúc gồm 3 phần:

Khối kiến thức	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Tổng số tín chỉ**
Phần 1: Kiến thức chung	5	0	**5**
Phần 2: Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	34	9	**43**
Phần 3: Luận văn tốt nghiệp	12	-	**12**
Tổng khối lượng	**51**	**9**	**60**

- *Định hướng ứng dụng* gồm 45 tín chỉ bắt buộc và 15 tín chỉ tự chọn, với cấu trúc gồm 3 phần:

Khối kiến thức	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Tổng số tín chỉ**
Phần 1: Kiến thức chung	5	0	**5**
Phần 2: Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	34	15	**49**
Phần 3: Đề án tốt nghiệp	6	-	**6**
Tổng khối lượng	**45**	**15**	**60**

2.6.2. Khung chương trình

Theo định hướng nghiên cứu

STT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Số tín chỉ**	**Học kỳ phân bổ dự kiến**
Phần 1: Kiến thức chung: (Tổng 5 TC, bắt buộc 5TC tự chọn 0 TC)						
1	PHI801	Triết học	×		3	1

2	PCP802	Anh văn chuyên ngành	×		2	1
Phần 2: Khối kiến cơ sở và cốt lõi ngành (Tổng 49 TC, bắt buộc 34 TC tự chọn 15 TC)						
3	PCP803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	×		2	1
4	PCP832	CNTT ứng dụng trong dược lý lâm sàng	×		2	1
5	PCP804	Sinh lý bệnh	×		2	1
6	PCP833	Dược động học	×		2	2
7	PCP805	Sinh dược học	×		2	1
8	PCP806	Đánh giá sử dụng thuốc	×		3	2
9	PCP807	Sử dụng thuốc trong điều trị	×		2	2
10	PCP808	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	×		3	2
11	PCP809	Quản lý sử dụng kháng sinh trong điều trị	×		3	2
12	PCP810	Thiết kế thử nghiệm Dược lý Dược lâm sàng			3	2
13	PCP811	Dược lý di truyền			3	2
14	PCP812	Can thiệp dược lâm sàng			3	3
15	PCP828	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng			2	3
16	PCP829	Thực tập dược bệnh viện			2	3
17	PCP830	Thực tập dược lâm sàng bệnh viện			2	3
18	PCP813	*Đánh giá và quản lý tương tác thuốc*		×		3
19	PCP814	*Quản lý công tác dược lâm sàng bệnh viện*		×		3
20	PCP815	*Chăm sóc dược*		×		3
21	PCP816	*Quản lý sử dụng thuốc*		×		3
22	PCP817	*Kỹ năng giao tiếp và sử dụng thuốc*		×		3
23	PCP818	*Dinh dưỡng lâm sàng*		×		3
24	PCP819	*Thực hành dược lâm sàng bệnh viện*		×		3
25	PCP820	*Phân tích dụng cụ*		×		3
26	PCP821	*Xét nghiệm lâm sàng*		×		3
27	PCP822	*Độc tính thuốc trên lâm sàng*		×		3

28	PCP823	*Động học lâm sàng*		×		3
29	PCP824	*Bệnh gây ra do thuốc*		×	3	3
30	PCP825	*Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẩu thuật*		×	3	3
31	PCP826	*Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị*		×	2	3
32	PCP827	*Dược động học ứng dụng*		×	2	3
Phần 3: Học phần tốt nghiệp: (6 TC bắt buộc)						
33	PCP831	Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ	×		12	4

Theo định hướng ứng dụng

STT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Bắt buộc**	**Tự chọn**	**Số tín chỉ**	**Học kỳ phân bổ dự kiến**
Phần 1: Kiến thức chung: (Tổng 5 TC, bắt buộc 5TC tự chọn 0 TC)						
1	PHI801	Triết học	×		3	1
2	PCP802	Anh văn chuyên ngành	×		2	1
Phần 2: Khối kiến cơ sở và cốt lõi ngành (Tổng 49 TC, bắt buộc 34 TC tự chọn 15 TC)						
3	PCP803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	×		2	1
4	PCP804	Sinh lý bệnh	×		2	1
5	PCP832	CNTT ứng dụng trong ngành dược	×		2	1
6	PCP805	Sinh dược học	×		2	1
7	PCP833	Dược động học	×		2	1
8	PCP806	Đánh giá sử dụng thuốc	×		3	2
9	PCP813	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	×		2	2
10	PCP807	Sử dụng thuốc trong điều trị	×		3	2
11	PCP814	Quản lý công tác dược lâm sàng bệnh viện	×		3	2
12	PCP808	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	×		3	2
13	PCP817	Kỹ năng giao tiếp và sử dụng thuốc	×		3	3
14	PCP828	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng	×		3	4

15	PCP829	Thực tập dược bệnh viện	×		2	4
16	PCP830	Thực tập dược lâm sàng bệnh viện	×		2	4
17	PCP810	*Thiết kế thử nghiệm Dược lý Dược lâm sàng*		×	3	3
18	PCP834	*Ứng dụng nguyên tắc về dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh*		×	3	3
19	PCP815	*Chăm sóc dược*		×	4	3
20	PCP816	*Quản lý sử dụng thuốc*		×	2	3
21	PCP831	*Sai sót trong sử dụng thuốc*		×	3	3
22	PCP818	*Dinh dưỡng lâm sàng*		×	2	3
23	PCP820	*Phân tích dụng cụ*		×	2	3
24	PCP821	*Xét nghiệm lâm sàng*		×	2	3
25	PCP822	*Độc tính thuốc trên lâm sàng*		×	2	3
26	PCP823	*Động học lâm sàng*		×	2	3
27	PCP824	*Bệnh gây ra do thuốc*		×	2	3
28	PCP825	*Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẫu thuật*		×	2	3
29	PCP826	*Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị*		×	2	3
Phần 3: Học phần tốt nghiệp: (6 TC bắt buộc)						
30	PCP831	Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ	×		6	4

2.6.3. Kế hoạch đào tạo

Theo định hướng nghiên cứu

TT	MÃ HP	TÊN HP	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			PPGD	PPĐG
				LT	TH	TỰ HỌC		
HỌC KỲ 1			**15**					
Bắt buộc			**15**					
1	PHI801	Triết học	3	45	0	105	Trực tuyến	Trắc nghiệm
2	PCP802	Anh văn chuyên ngành dược	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Báo cáo chuyên đề

3	PCP803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Báo cáo chuyên đề
4	PCP804	Sinh lý bệnh	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
5	PCP832	CNTT ứng dụng trong ngành dược	2	15	30	55	Trực tiếp	Trắc nghiệm
6	PCP807	Sử dụng thuốc trong điều trị	4	60	0	140	Trực tiếp	Báo cáo
HỌC KỲ 2			**17**					
Bắt buộc			**12**					
1	PCP806	Đánh giá sử dụng thuốc	3	45	0	105	Trực tiếp	Báo cáo
2	PCP808	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	3	45	0	105	Trực tiếp	Trắc nghiệm
3	PCP809	Quản lý sử dụng kháng sinh trong điều trị	3	45	0	105	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Câu hỏi ngắn, tình huống
4	PCP810	Thiết kế thử nghiệm Dược lý Dược lâm sàng	3	45	0	105	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Báo cáo
Tự chọn			**5**					
5	PCP813	*Đánh giá và quản lý tương tác thuốc*	2	30	0	70	Trực tiếp	Câu hỏi ngắn, tình huống
6	PCP814	*Quản lý công tác dược lâm sàng bệnh viện*	3	45	0	105	Trực tiếp	Trắc nghiệm
HỌC KỲ 3			**16**					
Bắt buộc			**12**					
1	PCP811	Dược lý di truyền	3	45	0	105	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Báo cáo

2	PCP812	Can thiệp dược lâm sàng	3	45	0	105	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Báo cáo
3	PCP828	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng	2	0	60	40	Trực tiếp	Báo cáo
4	PCP829	Thực tập dược bệnh viện	2	0	60	40	Trực tiếp	Báo cáo
5	PCP830	Thực tập dược lâm sàng bệnh viện	2	30	0	70	Trực tiếp	Báo cáo
Tự chọn			**4**					
1	PCP815	*Chăm sóc dược*	4	60	0	140	Trực tiếp	Thảo luận, báo cáo
2	PCP816	*Quản lý sử dụng thuốc*	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
3	PCP817	*Kỹ năng giao tiếp và sử dụng thuốc*	3	30	30	90	Trực tiếp	Trắc nghiệm
4	PCP818	*Dinh dưỡng lâm sàng*	2	30	0	70	Trực tiếp	Báo cáo
5	PCP820	*Phân tích dụng cụ*	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
6	PCP821	*Xét nghiệm lâm sàng*	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
7	PCP822	*Độc tính thuốc trên lâm sàng*	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
8	PCP823	*Động học lâm sàng*	2	30	0	70	Trực tiếp	Báo cáo
9	PCP824	*Bệnh gây ra do thuốc*	2	30	0	70	Trực tiếp	Báo cáo
10	PCP825	*Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẩu thuật*	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
11	PCP826	*Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị*	2	30	0	70	Trực tiếp	Báo cáo
HỌC KỲ 4			**12**					

1	PCP831	Luận văn tốt nghiệp	12	180	0	420	Trực tiếp	Bảo vệ luận văn

Theo định hướng ứng dụng

TT	MÃ HP	TÊN HP	TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			PPGD	PPĐG
				LT	TH	TỰ HỌC		
HỌC KỲ 1			**15**					
Bắt buộc			**15**					
1	PHI801	Triết học	3	45	0	105	Trực tuyến	Trắc nghiệm
2	PCP802	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Báo cáo chuyên đề
3	PCP803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Báo cáo chuyên đề
4	PCP804	Sinh lý bệnh	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
5	PCP832	CNTT ứng dụng trong ngành dược	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
6	PCP805	Sinh dược học	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
7	PCP833	Dược động học	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm
HỌC KỲ 2			**15**					
Bắt buộc			**15**					
1	PCP806	Đánh giá sử dụng thuốc	3	45	0	105	Trực tiếp	Báo cáo
2	PCP813	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	2	30	0	70	Trực tiếp	Trắc nghiệm

3	PCP807	Sử dụng thuốc trong điều trị	4	60	0	140	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Câu hỏi ngắn, tình huống
4	PCP814	Quản lý công tác dược lâm sàng bệnh viện	3	45	0	105	Trực tiếp	Trắc nghiệm
5	PCP808	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	3	45	0	105	Trực tiếp	Trắc nghiệm
Tự chọn			**0**					
HỌC KỲ 3			**18**					
Bắt buộc			**3**					
1	PCP817	Kỹ năng giao tiếp và sử dụng thuốc	3	30	30	90	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Trắc nghiệm
Tự chọn			**15**					
1	PCP810	*Thiết kế thử nghiệm Dược lý Dược lâm sàng*	3	45	0	105	1	Báo cáo
2	PCP834	*Ứng dụng nguyên tắc về dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh*	3	45	0	105	2	Câu hỏi ngắn, tình huống
3	PCP815	*Chăm sóc dược*	4	60	0	140	3	Thảo luận, báo cáo
4	PCP816	*Quản lý sử dụng thuốc*	2	30	0	70	4	Trắc nghiệm
5	PCP831	*Sai sót trong sử dụng thuốc*	3	45	0	105	5	Báo cáo
6	PCP818	*Dinh dưỡng lâm sàng*	2	30	0	70	6	Báo cáo
7	PCP820	*Phân tích dụng cụ*	2	30	0	70	7	Trắc nghiệm

8	PCP821	*Xét nghiệm lâm sàng*	2	30	0	70	8	Trắc nghiệm
9	PCP822	*Độc tính thuốc trên lâm sàng*	2	30	0	70	9	Trắc nghiệm
10	PCP823	*Động học lâm sàng*	2	30	0	70	10	Báo cáo
11	PCP824	*Bệnh gây ra do thuốc*	2	30	0	70	11	Báo cáo
12	PCP825	*Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẩu thuật*	2	30	0	70	12	Trắc nghiệm
13	PCP826	*Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị*	2	30	0	70	13	Báo cáo
HỌC KỲ 4			**12**					
1	PCP828	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng	2	0	60	40	Trực tiếp	Báo cáo
2	PCP829	Thực tập dược bệnh viện	2	0	60	40	Trực tiếp	Báo cáo
3	PCP830	Thực tập dược lâm sàng bệnh viện	2	30	0	70	Trực tiếp	Báo cáo
4	PCP835	Đề án tốt nghiệp	6	90	0	420	Trực tiếp	Bảo vệ đề án

2.6.4. Ma trận tương quan giữa các học phần và chuẩn đầu ra

- Bảng 2.1 – Theo định hướng nghiên cứu
- Bảng 2.2 – Theo định hướng ứng dụng

Bảng 2.1 Theo định hướng nghiên cứu

Học phần	Tên môn học	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức			Kỹ năng								Thái độ	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
PHI801	Triết học	TU3			TU3					TU3			TU3	TU3
PCP802	Anh văn chuyên ngành dược	TU3										TU4	TU3	TU3
PCP803	Phương pháp NCKH				TU3	TU3	TU4						TU4	TU4
PCP804	Sinh lý bệnh		TU3		TU3		TU3	TU3				TU3	TU3	TU3
PCP806	Đánh giá sử dụng thuốc	TU4	TU3	TU3		TU4			TU3	TU3			TU4	TU4
PCP807	Sử dụng thuốc trong điều trị		TU4	TU4					TU4				TU4	TU4
PCP808	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	TU4	TU4	TU4			TU4	TU4	TU4		TU4		TU4	TU4
PCP809	Quản lý sử dụng kháng sinh trong điều trị	TU3						TU3		TU3	TU3	TU3	TU3	TU3
PCP810	Thiết kế thử nghiệm Dược lý Dược lâm sàng	TU3			TU4	TU4		TU4	TU4				TU4	TU4
PCP811	Dược lý di truyền	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP812	Can thiệp dược lâm sàng		TU4	TU4			TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP813	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	TU4		TU4		TU4	TU4	TU4		TU4			TU4	TU4
PCP814	Quản lý công tác dược lâm sàng bệnh viện			TU4	TU4	TU4	TU5	TU5		TU5	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP815	Chăm sóc dược	TU4	TU4				TU4	TU4					TU4	TU4
PCP816	Quản lý sử dụng thuốc			TU4			TU4	TU4		TU4			TU4	TU4
PCP817	Kỹ năng giao tiếp và sử dụng thuốc	TU4	TU3	TU4			TU4	TU4	TU3				TU4	TU4
PCP818	Dinh dưỡng lâm sàng	TU4					TU4						TU4	TU4
PCP820	Phân tích dụng cụ	TU4		TU4			TU4				TU4		TU4	TU4
PCP821	Xét nghiệm lâm sàng	TU4			TU4						TU4		TU4	TU4
PCP822	Độc tính thuốc trên lâm sàng		TU4	TU4				TU4	TU4				TU4	TU4
PCP823	Động học lâm sàng		TU4			TU4		TU4	TU4				TU4	TU4
PCP824	Bệnh gây ra do thuốc	TU4	TU4	TU4			TU4			TU4	TU4	TU4	TU4	TU4

Học phần	Tên môn học	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức			Kỹ năng								Thái độ	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
PCP825	Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẩu thuật	TU4	TU4	TU4			TU4	TU4			TU4		TU4	TU4
PCP826	Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị	TU4		TU4			TU4	TU4	TU4	TU4	TU4		TU4	TU4
PCP828	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng	TU3	TU3	TU3				TU4		TU4			TU4	TU4
PCP829	Thực tập dược bệnh viện		TU3	TU4				TU4					TU4	TU4
PCP830	Thực tập dược lâm sàng bệnh viện			TU4	TU4	TU4	TU5	TU5		TU5	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP831	Luận văn tốt nghiệp	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP832	CNTT ứng dụng trong ngành dược	TU3					ITU3				ITU3		TU4	TU4

**Ghi chú*: Hình thức giảng dạy: I (giới thiệu); T (thuyết giảng); U (Vận dụng). Mức độ giảng dạy: 1 (Biết); 2 (Hiểu); 3 (Vận dụng); 4 (Phân tích, tổng hợp); 5 (Đánh giá, sáng tạo).

Bảng 2.2 Theo định hướng ứng dụng

Học phần	Tên môn học	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức			Kỹ năng								Thái độ	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
PHI801	Triết học	TU3			TU3					TU3			TU3	TU3
PCP802	Anh văn chuyên ngành Dược	TU3										TU4	TU3	TU3
PCP803	Phương pháp NCKH				TU3	TU3	TU4						TU4	TU4
PCP832	CNTT ứng dụng trong ngành dược	TU3					ITU3				ITU3		TU4	TU4
PCP804	Sinh lý bệnh		TU3		TU3		TU3	TU3				TU3	TU3	TU3
PCP833	Dược động học	TU3			TU3				ITU3				TU4	TU4
PCP805	Sinh dược học		TU3	TU3	TU3		TU3				TU3	TU3	TU3	TU3
PCP806	Đánh giá sử dụng thuốc	TU4	TU3	TU3		TU4			TU3	TU3			TU4	TU4
PCP813	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	TU4		TU4		TU4	TU4	TU4		TU4			TU4	TU4
PCP807	Sử dụng thuốc trong điều trị		TU4	TU4					TU4				TU4	TU4
PCP814	Quản lý công tác dược lâm sàng bệnh viện			TU4	TU4	TU4	TU5	TU5		TU5	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP810	Thiết kế thử nghiệm Dược lý Dược lâm sàng	TU3			TU4	TU4		TU4	TU4				TU4	TU4
PCP808	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	TU4	TU4	TU4			TU4	TU4	TU4		TU4		TU4	TU4
PCP828	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng	TU3	TU3	TU3				TU4		TU4			TU4	TU4
PCP829	Thực tập dược bệnh viện		TU3	TU4				TU4					TU4	TU4
PCP830	Thực tập dược lâm sàng bệnh viện			TU4	TU4	TU4	TU5	TU5		TU5	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP834	Ứng dụng nguyên tắc về dược động học và	TU3						TU3		TU3	TU3	TU3	TU3	TU3

Học phần	Tên môn học	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức			Kỹ năng								Thái độ	
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
	dược lực học trong sử dụng kháng sinh													
PCP815	Chăm sóc dược	TU4	TU4				TU4	TU4					TU4	TU4
PCP816	Quản lý sử dụng thuốc			TU4			TU4	TU4		TU4			TU4	TU4
PCP817	Kỹ năng giao tiếp và sử dụng thuốc	TU4	TU3	TU4			TU4	TU4	TU3				TU4	TU4
PCP818	Dinh dưỡng lâm sàng	TU4					TU4						TU4	TU4
PCP821	Xét nghiệm lâm sàng	TU4			TU4						TU4		TU4	TU4
PCP820	Phân tích dụng cụ	TU4		TU4			TU4				TU4		TU4	TU4
PCP822	Độc tính thuốc trên lâm sàng		TU4	TU4				TU4	TU4				TU4	TU4
PCP823	Động học lâm sàng		TU4			TU4		TU4	TU4				TU4	TU4
PCP824	Bệnh gây ra do thuốc	TU4	TU4	TU4			TU4			TU4	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP825	Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẫu thuật	TU4	TU4	TU4			TU4	TU4			TU4		TU4	TU4
PCP826	Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị	TU4		TU4			TU4	TU4	TU4	TU4	TU4		TU4	TU4
PCP819	Sai sót trong sử dụng thuốc		TU4	TU4			TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4
PCP835	Đề án tốt nghiệp	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4	TU4

**Ghi chú*: Hình thức giảng dạy: I (giới thiệu); T (thuyết giảng); U (Vận dụng). Mức độ giảng dạy: 1 (Biết); 2 (Hiểu); 3 (Vận dụng); 4 (Phân tích, tổng hợp); 5 (Đánh giá, sáng tạo).

2.7. Hợp tác quốc tế

Về hợp tác quốc tế, Nhà trường muốn thông qua việc hợp tác quốc tế để có điều kiện định hướng sự phát triển của Trường theo hướng hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, tiếp cận được các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và thế giới, giúp Nhà trường thiết lập được nhiều hình thức hợp tác đa dạng, phong phú thông qua các dự án hợp tác đào tạo, trao đổi về học thuật, trao đổi giảng viên, hợp tác nghiên cứu khoa học, chia sẻ các hoạt động và chương trình khác có lợi cho tình hữu nghị giữa các trường với nhau. Trên tinh thần đó, vừa qua nhà trường đã ký văn bản hợp tác lâu dài với Trường Đại học Cheng Shiu - Đài Loan, Trường Đại học Masan - Hàn Quốc, Viện Kinh doanh và công nghệ Úc châu (AIBT), Úc. Đặc biệt năm học 2022-2023 Trường đã ký hợp tác toàn diện với Trường Đại học Bắc Arizona - Hoa Kỳ (NAU), Tập đoàn Siemens - Đức, theo đó sẽ có 2 chương trình quốc tế được đào tạo tại Trường và được cấp song bằng của NAU và MIT Uni.

IV. Điều kiện về cơ sở vật chất mở ngành đào tạo

Cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo của Trường và Khoa Khoa học Sức khỏe rất đa dạng và đầy đủ, gồm các phòng chức năng như: phòng học, giảng đường, phòng máy tính, vườn dược liệu, Trung tâm Thí nghiệm – thực hành. Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, đèn chiếu, máy chiếu bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu học tập của học viên. Đặc biệt, nhiều phòng học kỹ năng được bố trí theo hướng mở, thúc đẩy khả năng làm việc nhóm, tư duy độc lập, sáng tạo của người học. Các phòng làm việc dành cho CB-GV-NV được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng hiện đại để thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo đúng chức năng trong quản lý đào tạo.

- Wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường, tối ưu hóa dịch vụ cho người học
- Hệ thống phòng giảng đường, phòng chức năng hài hòa cho từng ngành học
- Thư viện có phòng đọc đảm bảo 200 chỗ ngồi, hơn 7200 đầu sách, bản in và tài liệu điện tử, kết nối 11 cơ sở dữ liệu điện tử trong nước và quốc tế.
- Không gian xanh, rộng rãi, hài hòa, thân thiện với môi trường và mang tính tương tác cộng đồng cao.

1. Phòng học giảng đường, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

1.1. Phòng học, giảng đường

Bảng 5 Danh sách phòng học, giảng đường phục vụ đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	288	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	144	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	21	80-104	Môn chuyên ngành	Tất cả học kỳ	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	-				

1.5	Số phòng học đa phương tiện	25	80-144	Môn chuyên ngành	Tất cả học kỳ	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	13	64-104		Học kỳ 2, năm thứ 1	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	88-224	Tra cứu tài liệu	Tất cả học kỳ	
3	Trung tâm Thí nghiệm – thực hành	1	800	Môn chuyên ngành	Học kỳ 1, 2 năm thứ 1	

1.2. Trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

Bảng 6 Danh sách trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
1	Máy chiếu Dell 1220 (2700 Ansi Lumens)	Việt Nam 2015	6	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	50	
2	Hệ thống tăng âm Arirang PA300III, mixer, micro không dây	Việt Nam 2018	38	bộ	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	50	
3	Máy chiếu Panasonic PT-VX600A (5500 Lumens)	Việt Nam 2018	2	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	50	
4	Máy chiếu Sony Dx111 (2300 Lumens)	Việt Nam 2015	12	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	50	
5	Máy chiếu Sony VPL-DX101 (2500 lumens)	Việt Nam 2015	11	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	50	

6	Máy chiếu & màn chiếu 120 & giá treo & dây HDM 15m	Việt Nam 2018	2	bộ	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	50	
7	Máy chiếu optoma pw450 (3900 lumens)	Việt Nam 2018	5	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	50	
8	Bàn học	Việt Nam, 2014	922	bộ	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	1	
9	Quạt trần	Việt Nam, 2014	402	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	12	
10	Bóng đèn	Việt Nam, 2021	760	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	12	
11	Bàn máy tính	Việt Nam, 2016	120	bộ	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	1	
12	Máy tính	Trung Quốc, 2016, 2019	120	bộ	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	1	
13	Máy lạnh	Nhật Bản, 2016	6	cái	Sử dụng chung các học phần	Tất cả học kỳ	25	

1.3. Phòng thí nghiệm, thực hành

STT	Danh sách	Số lượng	Diện tích (m2)
1	Phòng thực hành Hóa lý	1	30
2	Phòng thực hành Hóa sinh	1	30
3	Phòng thực hành Hóa hữu cơ	1	30
4	Phòng thực hành Hóa Vô Cơ	1	30
5	Phòng Pha chế	1	30
6	Phòng thực hành Bào chế	1	30
7	Phòng thực hành Hóa phân tích	1	30
8	Phòng thực hành Hóa dược	1	30
9	Phòng thực hành Vi sinh	1	30

10	Phòng thực hành Thực vật	1	30
11	Phòng thực hành Dược liệu	1	30
12	Phòng thực hành Quản lý dược	1	60
13	Phòng thực hành Dược lâm sàng	1	60
14	Phòng Dược lý	1	30

1.4. Danh sách trang thiết bị, mô hình sử dụng phục vụ đào tạo

STT	Tên gọi thiết bị, mô hình	Nước/năm sản xuất	Số lượng
1	PLC + PC+ Máy hút chân không	Model: LC-2030HSX SHIMADZU-Nhật Bản	1
2	Bể siêu âm DERUI	DR-MH100	2
3	Bếp cách thủy 3 lỗ MEMMERT	WNB10	5
4	Bếp cách thủy 4 lỗ HH-S	HH-S4	1
5	Bếp cách thủy 6 lỗ MEMMERT	WNB14	1
6	Bếp cách thủy 8 lỗ MEMMERT	WNB29	2
7	Bếp điện ALMA	EC18	4
8	Bếp điện GALI	GL-2002	40
9	Bếp đun bình cầu φ 1000 mL	Trung quốc	5
10	Bếp đun bình cầu φ 500 mL	Trung quốc	7
11	Buồng cấy vi sinh SANPLATEC	Đức	1
13	Cân kỹ thuật 1 số lẻ SCOUT-PRO 2000 g	SPS2001F	2
14	Cân kỹ thuật 1 số lẻ SCOUT-PRO 6000 g	SPS6001F	1
15	Cân kỹ thuật 2 số lẻ JAVENDER 300 g	SKY-300	1
16	Cân kỹ thuật 2 số lẻ KD-TBED 300 g	KD-TBED	1
17	Cân kỹ thuật 2 số lẻ OHAUS 2000 g	PA2102	3
18	Cân kỹ thuật 2 số lẻ SCOUT-PRO 200 g	SPS202F	2
19	Cân kỹ thuật 2 số lẻ VNS-LED-A 600 g	SPS202F	1
20	Cân phân tích 3 số lẻ OHAUS 200 g	PA2013	2
21`	Cân phân tích 4 số lẻ OHAUS 200 g	PA2014	10
22	Cuvet thạch anh (Q) dùng đo quang		3
24	Đèn soi UV	WFH-203B	3
25	Đèn soi UV	WFH-203	1

26	Hệ thống cất nước 1 lần	Việt Nam	1
27	Hệ thống cất nước 1 lần LASANY	LPH4	2
28	Hệ thống Kjeldalh	Trung quốc	3
29	Hệ thống lọc áp suất giảm ROCKER 400	Germany	2
30	Hệ thống máy UV-Vis LABOMED	UVS-2700	1
31	Hệ thống máy UV-Vis SHIMADZU	UV-1800	1
32	Hệ thống Soxhlet	Germany	1
33	Kính hiển vi dùng gương lấy sáng	Trung quốc	3
34	Kính hiển vi quang học OPTIKA	B192	6
35	Kính hiển vi quang học OPTIKA	B150	63
36	Kính hiển vi soi nổi	Trung quốc	5
37	Máy bao đường	BY-300	1
38	Máy dập viên tâm sai	TDP-1.5	1
39	Máy đo điểm chảy KRUSS	KSP1N	1
40	Máy đo độ cứng viên nén	LIH-1	1
41	Máy đo độ dẫn điện HANNA	HI2315	1
42	Máy đo độ rã	LIJ-1	1
43	Máy đo huyết áp cơ học	Nhật bản	1
44	Máy đo huyết áp OMRON	HEM-4030	3
45	Máy đo pH HANNA & Điện cực HI1131	HI-2211	3
46	Máy đo pH HANNA & Điện cực HI1332	HI-2209	3
47	Máy đóng nang bán tự động	Trung quốc	1
48	Máy khuấy siêu âm QSONICA Q55 Đầu khuấy CL-188	Trung quốc	1
49	Máy khuấy trộn đung đưa	JJ1A	1
50	Máy khuấy từ IKA	CMAG-HS7	6
51	Máy khuấy từ MISUNG	MS300HS	2
52	Mấy lắc Orbital Shaker DIGISYSTEM	OS-350D-C	1
53	Máy ly tâm 8 ống 15 mL DIGISYSTEM	DSC-200A-1	1
54	Máy nghiền dược liệu liên tục	Trung quốc	1
55	Máy sấy hồng ngoại (đo độ ẩm) OHAUS	MB-90	1
56	Máy sấy tiệt khuẩn (Autoclave) MEDDA	RM 05.75-NH	1
57	Máy trộn đồng nhất HOMOGENIZER	D-160	1
58	Máy vortex IKA VORTEX 3	V3-S000	1

59	Máy vortex MINI DIGISYSTEM	VM-100-B	1
60	Micropipette NICHIPET EXII	10-100 mL	9
61	Micropipette NICHIPET EXII	100-1000 mL	8
62	Tủ lạnh ELECTROLUX	Hàn quốc	1
63	Tủ lạnh SANYO	Nhật bản	1
64	Tủ mát ALASKA	Nhật bản	1
65	Tủ sấy MEMMERT 55 lít	UN55	3
66	Tủ sấy MEMMERT 110 lít	UN110	1
67	Tủ ủ vi sinh DIGISYSTEM	DSI-500D	1
68	Máy nén khí FuSheng	Trung quốc	1
69	Tủ hút (tủ hút khí độc)	Trung quốc	6
70	Hệ thống máy UV-Vis SHIMADZU	UV-1900	1
71	Máy lạnh Funiki	Nhật bản	5

2. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Bệnh học nội khoa (sách dùng cho đào tạo sau đại học)	Các bộ môn nội - Trường đại học y Hà Nội	NXB Y học, 2017	10	Sử dụng thuốc trong điều trị	PCP807	Học kỳ 1	
2	Cambridge Key English Test 1-7. 2012.	Cambridge University Press.	Cambridge University Press, 2012	10	Anh văn chuyên ngành	PCP802	Học kỳ 1	
3	Dược điển Việt nam V	Bộ Y tế	NXB Y học, 2017	10	Sinh dược học	PCP805	Học kỳ 1	
4	English Unlimited, 2011 - Cambridge University Press.	Alex Tilbury, Theresa Clementson, Leslie Anne Hendra & David Rea	Cambridge University Press, 2011	10	Anh văn chuyên ngành	PCP802	Học kỳ 1	
5	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2017	5	Triết học	PHI801	Học kỳ 1	
6	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2017	5	Triết học	PHI801	Học kỳ 1	
7	Giáo trình Triết học Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2021	5	Triết học	PHI801	Học kỳ 1	
8	Objective KET. 2011. Cambridge University Press.	Annette Capel & Wendy Sharp.	Cambridge University Press, 2011	10	Anh văn chuyên ngành	PCP802	Học kỳ 1	
9	Pharmacy Practice Research Methods.	Zaheer-Ud-Din Babar	Switzerland, 2015	10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PCP803	Học kỳ 1	
10	Sinh dược học và các hệ thống trị liệu mới.	Lê Quang Nghiệm	NXB Y học, 2007	10	Sinh dược học	PCP805	Học kỳ 1	

11	Dược lâm sàng đại cương	Nguyễn Tuấn Dũng, Nguyễn Ngọc Khôi	NXB Y học, 2019	10	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	PCP808	Học kỳ 2	
12	Pharmacogenetics	Islam A Kalil	Intech open, 2021		Dược lý di truyền	PCP811	Học kỳ 2	
13	Thông tin thuốc	Nguyễn Tuấn Dũng, Nguyễn Ngọc Khôi	NXB Y học, 2015	10	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	PCP808	Học kỳ 2	
14	Chăm sóc dược	Hoàng Thị Kim Huyền	NXB Y học, 2011	10	Chăm sóc dược	PCP815	Học kỳ 3	
15	*Dinh dưỡng lâm sàng*	Bộ Y tế	NXB Y học, 2020	10	Dinh dưỡng lâm sàng	PCP818	Học kỳ 3	
16	*Dinh dưỡng lâm sàng*	Đào Thị Yến Phi	NXB Y học, 2020	10	Dinh dưỡng lâm sàng	PCP818	Học kỳ 3	
17	Dược động học lâm sàng	Trần Thị Thu Hằng	NXB Hồng Đức, 2019	10	Động học lâm sàng Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị	PCP823 PCP826	Học kỳ 3	
18	*Dược động học- Những kiên thức cơ bản*	Hoàng Thị Kim Huyền	NXB Y học, 2016	10	Theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị	PCP826	Học kỳ 3	
19	*Dược lâm sàng trong thực hành Bệnh viện*	Hoàng Thị Kim Huyền	NXB Y học, 2019	10	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng Thực tập dược bệnh viện Thực tập dược lâm sàng bệnh viện	PCP828 PCP829 PCP830	Học kỳ 3	
20	Dược lâm sàng và điều trị	Nguyễn Ngọc Khôi; Đặng Nguyễn Đoan Trang	NXB Y học, 2023	10	Thực tập phân tích đơn thuốc, tình huống lâm sàng	PCP828	Học kỳ 3	
21	Dược lâm sàng. Những nguyên tắc cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị.	Hoàng Kim Huyền, J.R.B.J.Brouwers.	NXB Y học, 2012	10	Can thiệp dược lâm sàng	PCP812	Học kỳ 3	
22	Dược thư Quốc gia Việt nam	Bộ y tế	2018	10	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	PCP813	Học kỳ 3	
23	Giáo trình "Kỹ năng quản trị",	Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung	NXB Đại học kinh tế	10	Kỹ năng giao tiếp	PCP817	Học kỳ 3	

			Quốc dân, 2012		và sử dụng thuốc			
24	Hóa phân tích tập 2	Vĩnh Định, Võ Thị Bạch Huệ	NXB Y học, 2021	10	Phân tích dụng cụ	PCP820	Học kỳ 3	
25	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh	Bộ Y tế	NXB Y học, 2015	10	Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẫu thuật	PCP825	Học kỳ 3	
26	*Những vấn đề cơ bản trong dinh dưỡng lâm sàng*	Lưu Ngân Tâm, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	NXB Y học, 2019	10	Dinh dưỡng lâm sàng	PCP818	Học kỳ 3	
27	Phương pháp xác định độc tính của thuốc	Đỗ Trung Đàm	NXB Y học, 2014	10	Độc tính thuốc trên lâm sàng	PCP822	Học kỳ 3	
28	Sử dụng kháng sinh an toàn - hợp lý	Trần Thị Thu Hằng	NXB Phương Đông, 2016	10	Nhiễm trùng bệnh viện – KS dự phòng phẫu thuật Quản lý sử dụng kháng sinh trong điều trị	PCP825 PCP809	Học kỳ 3	
29	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc.	Vũ Hoàng Ngân, Trương Thị Nam Thắng	NXB Phụ nữ, 2009	10	Kỹ năng giao tiếp và sử dụng thuốc	PCP817	Học kỳ 3	
30	Xét nghiệm sử dụng trong lâm sàng.	Nguyễn Thế Khanh, Phạm Tử Dương	NXB Y học, 2015	10	Xét nghiệm lâm sàng	PCP821	Học kỳ 3	
31	Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập 2: Sử dụng thuốc trong điều trị,	Hoàng Thị Kim Huyền	NXB Y học, 2014	10	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc Sử dụng thuốc trong điều trị	PCP813 PCP807	Học kỳ 3 Học kỳ 1	

3. Mạng công nghệ thông tin

Tất cả các máy tính trong Nhà trường được nối mạng internet với tốc độ đường truyền cao, băng thông rộng, phục vụ 24/7 rất thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, trường có hệ thống cơ sở hạ tầng mạng wifi phủ sóng trên toàn bộ khuôn viên Trường.

Cổng thông tin điện tử của Trường và của các đơn vị luôn được quan tâm, duy trì, cải tiến do Trung tâm Tuyển sinh – Truyền thông chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin trên cổng thông tin điện tử của Trường. Để chuẩn hóa việc trao đổi thông tin, Nhà trường đã cung cấp thư điện tử công vụ cho tất cả người lao động thuộc Trường và cho toàn bộ sinh viên đang học tập tại Trường. Ngoài ra, Nhà trường đã triển khai đưa vào sử dụng phần mềm 1Office để quản trị hệ thống và quản lý công việc.

4. Đội ngũ phục vụ đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ

Đội ngũ phục vụ	Trình độ				Tổng số
	Trung học/CĐ	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn		02	01	01	04
Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học		02	03	01	06
Phòng Công nghệ thông tin – Cơ sở vật chất	04	04	01		09
Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng		02	02		04
Trung tâm Tuyển sinh – truyền thông		06	02		07
Trung tâm Trải nghiệm – Việc làm sinh viên		03		01	04
Thư viện		01	01		
Tổng cộng	**04**	**22**	**10**	**01**	**37**

V. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Kế hoạch tuyển sinh

1.1. Nguồn tuyển sinh

- Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành Dược và có ít nhất 12 tháng công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi.
- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành Dược mà được xếp loại khá trở lên thì được dự thi ngay.
- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc danh mục ngành gần thì cần học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.

STT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các môn bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (tên môn học, số tín chỉ)
1	**Danh mục ngành đúng**	
	- Dược học	Không
2	**Danh mục ngành gần**	
	- Quản lý kinh tế dược - Tổ chức quản lý dược - Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc - Hóa dược - Dược lý và dược lâm sàng - Dược liệu - Dược học cổ truyền - Hóa sinh dược - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất - Tổ chức và quản lý y tế - Quản lý bệnh viện.	1. Dược lý 2. Dược lâm sàng 3. Pháp chế dược * Nếu trong chương trình đào tạo ở bậc đại học của thí sinh có các học phần giống với học phần bổ sung kiến thức và có cùng số tín chỉ (đơn vị học trình) hoặc lớn hơn thì được miễn học phần bổ sung kiến thức tương ứng.

1.2. Phương thức, thời gian và quy mô tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Dược lý và dược lâm sàng tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông là thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển.
- Thời gian tuyển sinh: tổ chức nhiều lần trong năm.
- Năm học đầu tiên Trường dự kiến tuyển 25 học viên, các năm sau tăng 10% số học viên/năm.

1.3. Các môn thi tuyển

- Môn cơ bản: Hóa hữu cơ: hình thức thi: trắc nghiệm
- Môn cơ sở: Dược lý – Dược lâm sàng: hình thức thi tự luận/ trắc nghiệm
- Môn ngoại ngữ: Anh văn: hình thức thi: tự luận và trắc nghiệm

Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

1.4. Điều kiện trúng tuyển

- Điểm thi môn cơ bản và môn cơ sở ≥ 5.0 điểm (thang điểm 10);
- Môn ngoại ngữ: điểm thi môn ngoại ngữ ≥ 50 điểm (thang điểm 100) hoặc có thuộc diện được xét miễn thi môn ngoại ngữ.
- Căn cứ theo tổng điểm môn cơ bản và cơ sở sẽ lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu hàng năm.

Chứng chỉ ngoại ngữ	**Cấp độ tương tương 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**
IELTS	4.5
TOEFL	450 PBT 133 CBT 45 IBT
TOEIC	450
Cambridge Exam	Preliminary PET
BEC	Business Preliminary
BULATS	40
Khung Châu Âu (CEFR)	B1

1.5. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông gồm:

1. Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường (www.mit.vn) hoặc Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn (www.ips.mit.vn);
2. Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng (bảng điểm) bậc đại học;
3. Bản sao có chứng thực chứng chỉ/văn bằng chứng minh thí sinh đủ năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (nếu có);
4. Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);
5. Bản sao có chứng thực giấy khai sinh;
6. Giấy khám sức khỏe do các bệnh viện cấp quận (huyện) trở lên cấp;
7. 04 ảnh chân dung 4 × 6 cm trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

1.6. Thông báo tuyển sinh

Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (www.mit.vn) và Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn (www.ips.mit.vn) ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển, bao gồm những thông tin sau:

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo;
3. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung;
4. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh;
5. Hồ sơ dự tuyển;
6. Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học;
7. Những thông tin cần thiết khác.

1.7. Quy trình xét tuyển, thi tuyển

1. Thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến và nộp hồ sơ về Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn.
2. Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn tổng hợp hồ sơ thí sinh đã nộp, số hóa dữ liệu thí sinh đăng ký.
3. Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn tham mưu thành lập hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ và các ban giúp việc cho hội đồng
4. Viện Sau đại học và Đào tạo ngắn hạn tổng hợp và lập bảng thống kê kết quả học tập trung bình toàn khóa của toàn bộ thí sinh dự tuyển.

5. Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào quy chế tuyển sinh công bố, đối tượng ưu tiên, chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành để xét tuyển theo kết quả từ cao xuống thấp đúng với chỉ tiêu đề ra.

6. Viện Sau đại học và Đào tạo chủ trì phối hợp các ban giúp việc của Hội đồng tổ chức thi tuyển các môn thi đầu vào (đối với các môn tổ chức thi tuyển).

7. Quy trình tổ chức xét tuyển/thi tuyển như quy trình tuyển sinh đại học.

2. Kế hoạch đào tạo

2.1. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

- Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
- Ngôn ngữ chính dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt.
- Thời gian đào tạo toàn khóa là 24 tháng. Khối lượng học tập: 60 tín chỉ.
- Thời gian tối đa cho phép thực hiện và bảo vệ luận văn, đề án tốt nghiệp là 48 tháng (4 năm) kể từ ngày nhận quyết định nhập học.

2.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (Ban hành theo Quyết định số 200/QĐ-ĐHCNMĐ, ngày 22/11/2022 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông).

2.3. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông (Ban hành theo Quyết định số 200/QĐ-ĐHCNMĐ, ngày 22/11/2022 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông), học viên tham gia vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đủ điều kiện tốt nghiệp khi:

- Hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ (gồm 60 tín chỉ) với điểm trung bình các học phần đạt từ 5.5 trở lên (thang điểm 10);
- Có điểm bảo vệ luận văn, đề án tốt nghiệp đạt từ 5.5 trở lên (thang điểm 10);
- Hoàn tất luận văn thạc sĩ có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng và nộp luận văn có đính kèm bản sao kết luận của hội đồng cho trường để lưu trữ và sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện;
- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí theo quy định;
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian vị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không bị khiếu nại, tố cáo về vi phạm liêm chính khoa học trong nội dung luận văn, đề án;

- Có trình độ ngoại ngữ Bậc 4 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ hiện hành của trường.

Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế hiện hành của Nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

3.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Nhà trường luôn có kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý để đáp ứng yêu cầu khi tăng quy mô và đảm bảo điều kiện mở ngành theo quy định. Nhà trường thường xuyên bổ sung nhân sự có trình độ cao, được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước tham gia vào đội ngũ cán bộ giảng dạy tại Khoa Khoa học Sức khỏe. Đội ngũ giảng viên dự kiến tăng từ 15 – 20%/năm. Đặc biệt, mỗi năm nhà trường đều có kế hoạch tuyển dụng từ 1-3 giảng viên chuyên ngành Dược lý và dược lâm sàng, ưu tiên các giảng viên, nhà khoa học có trình độ tiến sĩ trở lên. Bên cạnh đó, Khoa Khoa học Sức khỏe còn khuyến khích giảng viên đăng ký học tập, nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

3.2. Kế hoạch đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất

Tọa lạc trên khuôn viên rộng 10 ha, Trường có kế hoạch đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở vật chất cùng thiết bị giảng dạy theo tiêu chuẩn quốc tế đặc biệt là hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thư viện điện tử. Kế hoạch nâng cấp hệ thống mạng internet được phủ kín toàn bộ khuôn viên Trường, có thể kết nối tốc độ cao mọi lúc, mọi nơi với các nguồn dữ liệu bên ngoài, đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên, giảng viên khi đến làm việc tại trường. Kế hoạch đầu tư máy móc, trang thiết bị theo kế hoạch đào tạo đảm bảo 100% phòng học được lắp máy điều hòa, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục và phù hợp mức học phí.

3.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà trường đẩy mạnh thông qua các chính sách khuyến khích, chế độ khen thưởng hỗ trợ giảng viên và người học tham gia nghiên cứu khoa học. Giảng viên, cán bộ khoa học được Nhà trường cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài cấp trường hoặc chi phí tham dự hội thảo chuyên ngành. Khoa Khoa học Sức khỏe có kế hoạch tổ chức các buổi seminar, workshop cấp Khoa, cấp Trường và hướng tới tổ chức hội thảo chuyên ngành tại khu vực Đồng Nai và các tỉnh lân cận.

Nhà trường cũng có kế hoạch hợp tác với các doanh nghiệp, các cơ sở y tế triển khai các dự án nghiên cứu khoa học gắn liền với luận văn, đề án tốt nghiệp của học viên để phát triển hoạt

động khoa học công nghệ. Ngoài ra, Khoa Khoa học Sức khỏe có kế hoạch trao đổi học viên, sinh viên ngành Dược lý và dược lâm sàng với các trường đại học có uy tín tại các nước thuộc khu vực Thái Bình Dương như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Thái Lan, … v.v

3.4. Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng học viên tốt nghiệp

Trường có Trung tâm Trải nghiệm và việc làm cầu nối giữa học viên và doanh nghiệp với mạng lưới kết nối hơn 80 doanh nghiệp, các nghiệp đoàn, các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục giáo dục trong nước nói chung và các đơn vị giáo dục thuộc hệ thống tập đoàn Nguyễn Hoàng nói riêng, và các đơn vị có yếu tố nước ngoài. Nhà trường, Khoa Khoa học Sức khỏe và Trung tâm Trải nghiệm và việc làm luôn chú trọng phát triển các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, các hệ thống cơ sở y tế các cấp, đào tạo gắn liền với thực tiễn nhằm giúp học viên có trải nghiệm thực tế khi học tập tại Trường và mở ra nhiều cơ hội việc làm phong phú sau khi tốt nghiệp.

3.5. Mức học phí/người học/năm học/khóa học

Mức học phí chương trình đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ theo quy định chung về học phí của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông.

Mức học phí dự kiến: 66.000.000/khóa/1 người học.

VI. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

Quản lý rủi ro là một phần quan trọng trong quá trình quản lý, do vậy Trường Đại học Công nghệ Miền Đông và Khoa Khoa học Sức khỏe đã tiến hành phân tích SWOT và nhận diện các rủi ro trong việc mở ngành đào tạo Dược lý và dược lâm sàng, qua đó đề xuất xây dựng các phương án, giải pháp phòng ngừa và xử lý, cụ thể như sau:

1. Dự báo tình huống rủi ro

1. Rủi ro về số lượng tuyển sinh
2. Rủi ro tác động đến tỉ lệ giảng viên nghỉ việc/chuyển công tác
3. Rủi ro trong chất lượng tuyển sinh và đầu ra
4. Rủi ro trong cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo
5. Rủi ro do tác động của thiên tai, dịch bệnh, thảm họa

2. Các biện pháp ngăn ngừa, xử lý, khắc phục

STT	Rủi ro	Tác động	Biện pháp ngăn ngừa/xử lý
1	Số lượng tuyển sinh	- Không đủ sĩ số mở lớp. - Đình chỉ ngành đào tạo.	- Đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh để đảm bảo tuyển sinh đủ số lượng theo yêu cầu mở lớp. - Trường hợp không tuyển đủ số lượng học viên mở lớp, Khoa sẽ chuyển các học viên trúng tuyển đến các trường có chương trình đào tạo tương đương, ưu tiên các cơ sở giáo dục là thành viên của tập đoàn Nguyễn Hoàng. Việc thay đổi này sẽ được thông báo trước tới thí sinh dự tuyển.
2	Giảng viên nghỉ việc/chuyển công tác đột xuất	- Giảm số lượng giảng viên đạt chuẩn theo quy định mở ngành và duy trình ngành - Không đủ giảng viên hướng dẫn luận văn/đề án. - Không đủ giảng viên đủ điều kiện	- Tiếp tục gia tăng lượng giảng viên cơ hữu của Khoa từ trình độ tiến sĩ trở lên bằng cách tuyển dụng nguồn nhân lực ngoài trường, xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước, xây dựng kế hoạch cử giảng viên cơ hữu của Khoa theo học các chương trình nghiên cứu sinh.

		mở Hội đồng bảo vệ tốt nghiệp.	- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các Trường đại học trong hệ thống tập đoàn, trong và ngoài nước để trao đổi giảng viên - Tăng cường thiết lập, duy trì quan hệ với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, giảng viên chuyên gia từ doanh nghiệp.
3	Chất lượng tuyển sinh và đầu ra	- Người học không đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. - Người học tốt nghiệp không đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.	Lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát trong tuyển sinh và quản lý đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng từ kết quả đầu vào và đánh giá đầu ra. Đồng thời thường xuyên đánh giá, cập nhật tình hình kinh tế - xã hội, nhu cầu nhân lực để có chiến lược phát triển, kế hoạch điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng đáp ứng sự hài lòng của người học, yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và xã hội.
4	Cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo	Trùng lặp chuyên ngành đào tạo với các cơ sở giáo dục khác.	- Tổng hợp, phân tích thông tin về các cơ sở đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng trong khu vực để phân tích tính cạnh tranh khi mở ngành đào tạo. - Thường xuyên điều tra, khảo sát về nhu cầu sử dụng nhân lực tại địa phương và các tỉnh lân cận.
5	Thiên tai, dịch bệnh, thảm họa	- Không thể tổ chức đào tạo tập trung. - Kế hoạch tổ chức đào tạo bị gián đoạn.	- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức giảng dạy trực tuyến kết hợp trực tiếp. - Ban hành quy định xây dựng học liệu và tổ chức giảng dạy trực tuyến nhằm đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sẵn sàng chuyển sang phương thức dạy học trực tuyến khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, thảm họa để đảm bảo tiến độ đào tạo.

VII. Các minh chứng kèm theo Đề án

1. Nghị quyết của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.
2. Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo.
3. Chương trình đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng - trình độ thạc sĩ.
4. Các văn bản:

a. Quyết định thành lập hội đồng xây dựng đề án

b. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

c. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định

d. Quyết định ban hành chương trình đào tạo

5. Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo (theo mẫu Phụ lục 3 – Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT).
6. Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ.
7. Các quyết định của trường về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.

VIII. Đề nghị và cam kết thực hiện

Đề án mở ngành đào tạo Dược lý và dược lâm sàng trình độ thạc sĩ đã được Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường Đại học Công nghệ Miền Đông thông qua tại phiên họp ngày 22 tháng 04 năm 2023 (văn bản đính kèm).

Đề án mở ngành đã được công khai tại website của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông: www.mit.vn

1. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ nhu cầu khách quan của thực tiễn xã hội, đồng thời khai thác có hiệu quả các nguồn lực đã và đang đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông kính báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo đề án đăng ký mở ngành Dược lý và dược lâm sàng, trình độ thạc sĩ để Trường có thể kịp thời chuẩn bị cho công tác tuyển sinh từ năm học 2023 - 2024.

2. Cam kết triển khai thực hiện

Trên cơ sở các thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, hệ chính quy ngành Dược lý và dược lâm sàng, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đã được quyết định công nhận đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đại học ngành Dược học (trình độ đại học), đảm bảo các điều kiện về đội ngũ

giảng viên, thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được sứ mạng, mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Trường Đại học Công nghệ Miền Đông cam kết triển khai thực hiện đầy đủ nội dung trong Đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Dược lý và dược lâm sàng theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh Đồng Nai, vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Đồng thời, nhà trường cam kết sẽ tiếp tục đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng đào tạo, đảm bảo chất lượng sau khi báo cáo đề án đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và tuyển sinh đào tạo từ năm học 2023-2024.

Đồng Nai, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. PHẠM VĂN SONG